

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày

tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030,

Căn cứ tình hình phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản trong sản xuất nông nghiệp hiện nay trên địa bàn, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và chế biến nông, lâm, thủy sản phải gắn với quá trình tái cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân tham gia phát triển cơ giới hóa nông nghiệp (chế tạo máy, trang bị máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất).

2. Yêu cầu

- Phát triển cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và chế biến nông, lâm, thủy sản đến năm 2030 phải đồng bộ, theo chuỗi liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến, công nghệ số, công nghệ thông minh trong các khâu sản xuất nông nghiệp.

- Ưu tiên phát triển doanh nghiệp chế biến nông sản quy mô lớn, hiện đại, có trình độ và năng lực công nghệ tiên tiến kết hợp với phát triển các cơ sở sơ chế, bảo quản, chế biến quy mô vừa và nhỏ nhằm tạo sự đồng bộ, gắn kết, lan tỏa theo chuỗi. Đa dạng hóa sản phẩm, tăng tỷ trọng chế biến sâu; đẩy mạnh chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương và phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ về cơ giới hóa nông nghiệp vào các khâu sản xuất, chế biến nông nghiệp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh áp dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp, tiến đến cơ giới hóa đồng bộ và tự động hóa. Đảm bảo nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được cơ giới hóa.

- Thúc đẩy, khuyến khích đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ các nông sản truyền thống của địa phương (sản phẩm đặc sản địa phương) nhằm phát huy lợi thế của từng vùng miền, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Phát triển chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả và bền vững, đáp ứng được nhu cầu, quy định của thị trường tiêu thụ.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Cơ giới hóa nông nghiệp đối với từng lĩnh vực sản xuất

- Trồng trọt: Sản xuất cây trồng chủ lực đạt trên 90% năm 2025, cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 70% năm 2030.

- Chăn nuôi: Sản xuất chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt trên 80% năm 2025, cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 60% năm 2030.

- Thủy sản: Cơ giới hóa sản xuất nuôi trồng thủy sản đạt trên 70% năm 2025, đạt trên 90% năm 2030; đánh bắt, bảo quản trên tàu cá đạt 85% năm 2025 đạt trên 95% năm 2030.

- Lâm nghiệp: Các khâu làm đất, giống, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, phòng chống cháy rừng, khai thác vận chuyển gỗ và lâm sản đạt trên 30% năm 2025, đạt trên 50% năm 2030.

- Diêm nghiệp: Cấp nước, tiêu nước, gom muối trên đồng và thu hoạch, vận chuyển muối muối đạt trên 70% năm 2025 và đạt trên 90% năm 2030.

b) Phát triển chế biến, bảo quản nông sản

- Tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản đạt trên 8,0%/năm vào năm 2025 và 10,0%/năm vào năm 2030.

- Trên 70% số cơ sở chế biến, bảo quản nông sản chủ lực đạt trình độ và năng lực công nghệ trung bình tiên tiến trở lên.

- Tồn thất sau thu hoạch các nông sản chủ lực giảm từ 0,5% đến 1,0 %/năm.

- Tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chủ lực đạt 60% là sản phẩm chế biến.

III. NỘI DUNG

1. Cơ giới hóa các ngành sản xuất chính

a) Trồng trọt

* Đối với cây lúa, ngô, lạc, khoai, mì, mía:

Tập trung tăng nhanh tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất:

- Khâu làm đất: được cơ giới hóa, sử dụng máy làm đất có năng suất, hiệu quả và điều kiện lao động thuận lợi, đến năm 2025, mức độ cơ giới hóa làm đất đạt 100%.

- Khâu gieo trồng: Chuyển dần từ gieo trồng bằng công cụ thủ công sang sử dụng máy gieo hạt, máy rải hom (mía, mỳ), máy trồng cây..., đưa mức độ cơ giới hóa khâu gieo trồng lên 70%.

- Khâu chăm sóc: Sử dụng các loại máy chuyên dụng chăm sóc cây trồng (vun, xới) đạt 60-70%. Sử dụng các loại máy phun thuốc bảo vệ thực vật có chất lượng bảo đảm theo quy chuẩn kỹ thuật tăng 40-60%.

- Khâu tưới: Đưa công nghệ tưới tiết kiệm nước (tưới nhỏ giọt, phun mưa) để áp dụng nhanh mô hình tưới tiết kiệm nước cho rau màu và một số cây công nghiệp, cây ăn quả khác.

- Khâu thu hoạch: Thực hiện thu hoạch lúa bằng máy đạt 100% vào năm 2025, chủ yếu sử dụng máy gặt đập liên hợp có tính năng kỹ thuật cao, mức độ gặt hao hụt dưới 1,0%.

- Khâu sấy, bảo quản: Phát triển các loại máy sấy, phù hợp, với quy mô, và đối tượng sản xuất (lúa thương phẩm, hạt giống cây trồng). Chú trọng việc đầu tư các hệ thống các cơ sở xay xát, dự trữ lương thực lớn. Đến năm 2025, phát triển kho bảo quản nông sản (lúa gạo, rau, củ, quả) quy mô lớn tại các doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ giới hóa các kho bảo quản đạt 60%, trong đó có từ 20% trở lên các khâu dây chuyền công nghệ được tự động hóa, nâng cao năng, suất lao động và kiểm soát các thông số kỹ thuật trong quá trình bảo quản.

* Đối với nhóm cây rau quả:

- Khâu làm đất, gieo trồng: Phát triển các máy làm đất cỡ nhỏ, máy gieo hạt, máy trồng cây theo khay giống, trong sản xuất. Chú trọng các biện pháp canh tác tiên tiến trong nhà màng, nhà lưới có điều khiển các thông số kỹ thuật về nhiệt độ, ẩm độ thích hợp nhất và quản lý tốt dịch hại nhằm khai thác tốt tiềm năng tạo năng suất và chất lượng của cây trồng; Đưa tỷ lệ cơ giới hóa tại các vùng sản xuất rau, quả tập trung đạt 70-80%.

- Khâu chăm sóc, thu hoạch: Ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, công nghệ xử lý cận thu hoạch bằng các chất điều hòa sinh trưởng, kéo dài thời gian thu hoạch (danh mục thuốc được phép sử dụng tại Việt Nam theo Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); cải tiến phương tiện, dụng cụ thu hái đảm bảo chất lượng nguyên liệu trước thu hoạch.

- Khâu bảo quản: Thực hiện bảo quản rau quả tươi tại chỗ theo hướng bảo quản mát; bọc màng bán thấm, tiệt trùng đối với một số loại rau quả tươi xuất khẩu. Đầu tư phát triển hệ thống sơ chế rau quả tại các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, bảo đảm an toàn thực phẩm và hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất sau

thu hoạch.

b) Chăn nuôi

Áp dụng máy, thiết bị cho chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp, có kỹ thuật và công nghệ phù hợp để hạn chế dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường vừa bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi đến năm 2025:

- Cơ giới hóa chăn nuôi chuồng trại công nghiệp, Hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động đạt 80%, hệ thống làm mát đạt 40-50%.

- Cơ giới hóa chế biến thức ăn (gia súc, gia cầm) từ 30-40%.

- Cơ giới hóa vệ sinh chuồng trại, đạt 80-85%. Chú trọng xử lý chất thải chăn nuôi thành các sản phẩm dưới dạng năng lượng (nhiệt - điện) và phân bón hữu cơ cho cây trồng. Sử dụng công nghệ tiên tiến máy ép tách phân ở các trang trại chăn nuôi heo có quy mô lớn, quy mô vừa.

c) Thủy sản

- Cơ giới hóa nuôi trồng thủy sản: Ở các ao nuôi quy mô công nghiệp đạt 90% diện tích nuôi sử dụng máy móc ở các khâu: cho ăn, chăm sóc, thu hoạch; ở các ao nuôi quy mô trung bình và nhỏ đạt 50%.

- Cơ giới hóa đánh bắt hải sản: Chú trọng phát triển tàu khai thác hải sản xa bờ. Khâu bảo quản: Đầu tư phát triển hệ thống bảo quản trên tàu cá khai thác hải sản xa bờ và hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất sau thu hoạch.

d) Lâm nghiệp

- Tại các vùng trồng rừng tập trung, quy mô lớn có sử dụng máy móc các khâu làm đất, giồng, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, phòng chống cháy rừng đạt trên 50% năm 2025, đạt trên 70% năm 2030. Tăng tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa ở khâu chặt hạ, vận chuyển đạt 50% năm 2025, đạt 80% năm 2030.

- Các vùng trồng rừng còn lại, tỷ lệ cơ giới hóa các khâu làm đất, giồng, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, phòng chống cháy rừng đạt trên 30% năm 2025, đạt trên 50% năm 2030.

2. Hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản, thủy sản

- Lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp: hỗ trợ máy làm đất, máy chăm sóc cây trồng, thu hoạch và chế biến; máy phát dọn, máy khoan lỗ trồng, thiết bị sấy, hệ thống máy tưới phun mưa, máy phun thuốc bảo vệ thực vật.

- Xây dựng, triển khai các dự án đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng; hệ thống giám sát rừng tự động phát hiện cháy rừng; nâng cấp hệ thống dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, hệ thống phát hiện sớm cháy rừng cho các chủ rừng và lực lượng Kiểm lâm. Gồm một số nội dung hạng mục đầu tư cụ thể:

- + Đầu tư các phương tiện (xe chuyên dụng), công cụ hỗ trợ, trang thiết bị,

cơ sở vật chất kỹ thuật chữa cháy rừng: thiết bị cắt thực bì; máy thổi gió;...

+ Đầu tư xây dựng hệ thống phát hiện và cảnh báo cháy rừng tự động.

+ Đầu tư thiết bị bay chụp chuyên dụng thu thập dữ liệu phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ mô hình (dự án) có sử dụng hệ thống làm mát cho gia súc gia cầm, máy móc, thiết bị cung cấp thức ăn, nước uống tự động trong trại chăn nuôi tập trung. Khuyến khích đầu tư mới và mở rộng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; cơ sở chế biến, bảo quản đảm bảo đủ năng lực chế biến, bảo quản, gắn với vùng sản xuất chăn nuôi tập trung. Đến năm 2030 có ít nhất 10-15% tổng sản lượng thịt của tỉnh được chế biến trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực thủy sản: Tập trung hỗ trợ phát triển cơ giới hóa trong khai thác thủy sản xa bờ, ưu tiên hỗ trợ mô hình tời thu lưới rê, mô hình tời thu lưới chụp, mô hình sử dụng hầm PU trong bảo quản thủy sản trên tàu khai thác xa bờ. Tư vấn, giới thiệu áp dụng mô hình quan trắc môi trường nước tự động, công nghệ nuôi tuần hoàn nước - Recirculating Aquaculture Systems (RAS),...

3. Hỗ trợ cơ giới hóa phát triển chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản

- Hỗ trợ sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, hiện đại hóa trang thiết bị bảo quản, chế biến nông sản để đa dạng hóa sản phẩm chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, hạ giá thành; tăng cường chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng cao, tăng khả năng cạnh tranh nông sản; kiểm soát được chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Hỗ trợ, khuyến khích đầu tư mới và mở rộng cơ sở chế biến, bảo quản đảm bảo đủ năng lực chế biến, bảo quản đối với những ngành hàng chủ lực, gắn với vùng sản xuất nguyên liệu tập trung.

- Ưu tiên hỗ trợ và kêu gọi đầu tư đối với các nhà máy chế biến gạo, chế biến sản phẩm chăn nuôi (gia súc, gia cầm) chế biến thủy hải sản và một số loại rau, quả... là thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

4. Về đào tạo, tập huấn

Chú trọng công tác đào tạo nghề cơ khí, vận hành máy móc, thiết bị trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho nông dân, kỹ thuật sơ chế, bảo quản nhất là hình thức tập huấn ngắn hạn, tại chỗ thông qua công tác khuyến công, các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong vận hành máy, thiết bị phục vụ sản xuất, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông lâm ngư nghiệp. Thực hiện xã hội hóa đào tạo nghề cho nông dân, tổ chức hợp tác liên kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, gắn đào tạo với sử dụng lao động tại chỗ. Đào tạo theo nhu cầu của các doanh nghiệp nông nghiệp.

5. Nguồn lực thực hiện

- Vốn ngân sách hỗ trợ: Lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh và nguồn kinh phí ngân sách các cấp.

- Vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân: Vốn tự có của các tổ chức, cá

nhân; vốn vay từ các tổ chức tín dụng.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách về cơ điện nông nghiệp, các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, nghiên cứu hoàn thiện quy định để quản lý về cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản.

- Đẩy mạnh xã hội hóa nghiên cứu chuyên gia, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có sáng chế máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước; các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động và quản lý phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Đẩy mạnh thực hiện tốt Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho đối tượng doanh nghiệp trong các ngành cơ khí máy nông nghiệp và chế biến nông sản; Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh); Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Thông qua các chính sách về phát triển hợp tác xã ưu tiên hỗ trợ hình thành và phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ cơ giới hóa ở nông thôn, tăng tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong hoạt động nông lâm thủy sản.

- Đẩy mạnh triển khai các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các chính sách tín dụng hỗ trợ để phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản, phát triển các mô hình trung tâm, cụm liên kết sản xuất - chế biến, bảo quản - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung. Rà soát, đề xuất sửa đổi chính sách ưu đãi về thuế đối với lĩnh vực chế biến nông sản và máy móc, thiết bị, công nghệ phục vụ nông nghiệp.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tổ chức sản xuất nông nghiệp

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất, phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản theo hướng đáp ứng yêu cầu, nâng cao chất lượng; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị,

từng bước bắt kịp tốc độ phát triển chung của vùng, tạo kết nối đồng bộ, nhất là kết nối liên xã, liên huyện; đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cung ứng, kết nối nông sản hiện đại; chủ động giải pháp thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Tổ chức lại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo định hướng phát triển sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và sản phẩm là đặc sản của địa phương (lúa, bắp, nho, táo, hành tỏi, măng tây, nha đam...) được cơ giới hóa đồng bộ, phù hợp với lợi thế của từng vùng, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nguyên liệu và kết nối với các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản.

- Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp theo hướng nâng cao năng lực và vai trò của các tổ chức hợp tác của nông dân, đẩy mạnh tập trung đất đai, tăng quy mô tạo điều kiện thuận lợi áp dụng cơ giới hóa và phát triển chế biến nông sản; phát triển các tổ chức hợp tác, trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ và kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến tiêu thụ nông sản, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò là “trụ cột” của chuỗi giá trị.

- Phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản được cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; chú trọng phát triển các doanh nghiệp chế biến, bảo quản có đủ năng lực về vốn, công nghệ và thị trường tiêu thụ để dẫn dắt chuỗi giá trị nông sản, vận hành một cách thông suốt, hiệu quả; khuyến khích phát triển các cụm liên kết làm động lực của các vùng.

3. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ

- Tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ phục vụ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào đầu tư phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

4. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Từng bước chuẩn hóa đội ngũ lao động điều khiển máy móc, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản theo hướng đào tạo, huấn luyện có chứng chỉ, bằng cấp tăng cường công tác huấn luyện an toàn vệ sinh cho người lao động và sử dụng lao động trong sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ và chế biến nông sản.

- Nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp và chế biến nông sản về khoa học công nghệ, kỹ năng thương mại, phát triển thị trường. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu vận hành công nghệ tiên tiến, hiện đại.

5. Phát triển tín dụng trong sản xuất nông nghiệp

Triển khai hiệu quả chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp,

nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ; đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng phù hợp với các đối tượng khách hàng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân về phát triển sản xuất tập trung hàng hóa quy mô lớn để tạo điều kiện đẩy mạnh áp dụng cơ giới vào sản xuất.

- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện, tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tham mưu bố trí ngân sách hàng năm (*nếu có*) để hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp và nâng cao năng lực chế biến nông lâm thủy sản theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp để triển khai các chính sách, chương trình, đề án về thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Sở Công Thương

Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Chương trình xúc tiến thương mại cho các sản phẩm cơ khí nông nghiệp và sản phẩm chế biến nông sản; hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất theo Chương trình khuyến công quốc gia và địa phương trong đầu tư máy móc, thiết bị mở rộng sản xuất kinh doanh lĩnh vực công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, cung cấp về thông tin giá cả thị trường; triển khai thực hiện các cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tổ chức nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về đất đai nhằm phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông nghiệp; mở rộng hạn mức chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân; thiết lập các cơ chế thuận lợi để hộ nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp tiếp cận đất đai hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, tập trung, tạo điều kiện ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp và phát triển chế biến nông sản;

làm cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý môi trường tại các doanh nghiệp chế biến nông sản cũng như các khu vực chế biến nông sản tập trung, nhằm thúc đẩy phát triển ngành chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả, an toàn và bền vững.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu, chuyển giao các giải pháp ứng dụng, các tiến bộ khoa học công nghệ mới về cơ giới hóa nông nghiệp. Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành cơ khí nông nghiệp, hướng dẫn thực hiện các quy định về chất lượng sản phẩm.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng khoa học tỉnh ưu tiên các định hướng nghiên cứu các giải pháp ứng dụng, các tiến bộ khoa học công nghệ mới về cơ giới hóa nông nghiệp. Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành cơ khí nông nghiệp, hướng dẫn thực hiện các quy định về chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ; thúc đẩy xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc thù của tỉnh; triển khai mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan lập kế hoạch, nội dung đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sản xuất nông nghiệp; trong đó có nhân lực cho lĩnh vực chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp. Đề xuất các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn lực lao động và năng lực quản lý về cơ giới hóa nông nghiệp và bảo quản, chế biến nông sản.

8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Ninh Thuận

Chỉ đạo các các tổ chức tín dụng tập trung nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tăng cường phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo thuận lợi trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng đặc biệt là các dự án đầu tư vào cơ giới hóa phục vụ nông nghiệp và chế biến nông sản.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chủ động rà soát quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung chuyên canh, hình thành cánh đồng lớn nhằm tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất (hợp tác xã, tổ hợp tác) áp dụng nhanh cơ giới hóa vào các khâu từ sản xuất - bảo quản - chế biến - vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

- Trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh lồng ghép các chương trình dự án, cân đối ngân sách hàng năm bố trí nguồn vốn để tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành liên quan trong việc hướng dẫn, lựa chọn các loại máy móc, thiết bị phù hợp có công nghệ tiên tiến với việc xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn, điều kiện canh tác trên địa bàn.

10. Chế độ thông tin và báo cáo: Các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan hàng năm căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, định kỳ hàng năm vào **ngày 30/11** báo cáo kết quả thực hiện, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ tình hình thực tế xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các nội dung nêu trên đảm bảo kịp thời, phù hợp, thiết thực, hiệu quả và đúng quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/cáo);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, TC, KHĐT, CT, TNMT, KHCN, LĐTBXH
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Ninh Thuận;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận, Đài PT&TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TCDNC, VXNV, KTTH;
- Lưu: VT. HC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

